

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO KHI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TẠM GIAM

TRẦN THỊ THU HIỀN*

Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã có những thay đổi cơ bản trong quy định về các biện pháp ngăn chặn nói chung và biện pháp ngăn chặn tạm giam nói riêng theo hướng tôn trọng và đề cao quyền con người trong tố tụng hình sự so với BLTTHS năm 2003 trước đây. Tuy nhiên, bên cạnh điểm tiến bộ, quy định của BLTTHS năm 2015 về tạm giam vẫn còn hạn chế, thực tiễn áp dụng các quy định còn nhiều bất cập, vướng mắc, xâm phạm đến quyền con người của bị can, bị cáo. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định và đề ra những giải pháp trên thực tiễn áp dụng tạm giam cần được nghiên cứu một cách thấu đáo để bảo đảm tốt hơn nữa quyền con người của bị can, bị cáo.

Từ khóa: Tạm giam, tố tụng hình sự, quyền con người.

In the Criminal Procedures Code (CPC) of 2015, there have been basic changes on regulations of preventive measures generally and temporary detention preventive measures particularly in direction of respecting and giving prominence to human rights in criminal proceedings, by comparison with the previous one in 2003. However, despite of some progressive points, both regulations of temporary detention preventive measures in CPC of 2015 and in reality have witnessed some limitations, inadequacies violating human rights of suspects and accused. Therefore, perfecting these regulations and proposing suggestions in applied reality need to be carefully studied to better ensure human rights of suspects and accused.

Keywords: Temporary detention, criminal proceedings, human rights.

Mọi người có quyền tự do về thân thể, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm quyền đó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc giới hạn tự do thân thể của một người là cần thiết để bảo đảm công lý, tạo điều kiện để xử lý nghiêm minh hành vi phạm tội, bảo đảm trật tự, an toàn trong xã hội. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là một trong những trường hợp đó. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này là cần thiết và khách quan nhưng có thể có nguy cơ xâm hại đến quyền và lợi ích của bị can, bị cáo. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi nghiên cứu đánh giá các quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp ngăn chặn tạm giam, khảo sát

thực tiễn áp dụng quy định này trong năm năm gần đây, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo trong áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp ngăn chặn tạm giam.

BLTTHS năm 2015 cụ thể hóa sâu sắc yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 về dân chủ, pháp quyền, tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong các quy định của mình, đặc biệt là quy định về biện pháp ngăn chặn. Các biện pháp ngăn chặn nói

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

chung và biện pháp ngăn chặn tạm giam nói riêng với tư cách là những biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân được quy định chặt chẽ, đầy đủ năm yếu tố: căn cứ, thời hạn áp dụng, thẩm quyền quyết định, trình tự và thủ tục tiến hành.

Về căn cứ áp dụng: Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam được quy định tại Điều 119 BLTTHS năm 2015 có sự kết hợp giữa việc phân loại tội phạm và căn cứ khác chứng tỏ bị can, bị cáo có khả năng bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, việc xây dựng căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn phải xuất phát từ bản chất và mục đích của biện pháp ngăn chặn. Trong khoa học pháp lý, phần lớn các học giả cho rằng căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn là những tài liệu chứng cứ dự báo có đầy đủ cơ sở về khả năng bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và tiếp tục phạm tội⁽¹⁾. Trong khi đó, Khoản 1 Điều 119 BLTTHS năm 2015 quy định “Tạm giam có thể áp dụng với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng và rất nghiêm trọng”. Quy định này không hợp lý bởi lẽ không phải mọi bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đều có khả năng bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Có những bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng sau khi bị phát hiện ra hành vi phạm tội thì ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả để hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, không thể lấy tính chất, mức độ nguy hại cho xã hội cao hay thấp của hành vi phạm tội để suy đoán bị can, bị cáo có khả năng trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm

hình sự hay gây khó khăn, trở ngại cho quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam phải là căn cứ có thật dự báo khả năng thực tế có thể xảy ra việc bị can, bị cáo bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động tố tụng hay tiếp tục phạm tội chứ không phải suy diễn từ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ bị cho là đã thực hiện. Việc suy diễn tùy tiện trong lập pháp tạo ra các kẽ hở pháp lý cho các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân.

Tham khảo pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản, căn cứ tạm giam là căn cứ thực tế để thấy bị can trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử như bị can không có chỗ ở cố định, có đầy đủ lý do chính đáng nghi bị can dấu diếm chứng cứ, bị can bỏ trốn hoặc có đầy đủ lý do nghi bị can sẽ bỏ trốn⁽²⁾. Trung Quốc, Liên bang Nga xác định căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam trên cơ sở kết hợp giữa mức hình phạt tù mà Bộ luật hình sự quy định đối với tội phạm và các căn cứ thực tế để xác định bị can trốn, tiêu hủy chứng cứ⁽³⁾. Nhìn chung, mức phạt tù mà Bộ luật hình sự quy định không được coi là căn cứ độc lập và duy nhất để tạm giam một người mà có các điều kiện chặt chẽ khác. Do đó, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong BLTTHS năm 2015 cần phải được nghiên cứu, xem xét lại để bảo đảm tính khoa học và hợp lý.

Về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn: Để bảo đảm tính thận trọng trong quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, BLTTHS năm 2015 quy định thẩm quyền thuộc về một số người tiến hành tố tụng như Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

¹Trần Quang Tiệp (2011), Về tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, tr 55.

²Điều 60 BLTTHS Nhật Bản

³Điều 108 BLTTHS Liên bang Nga, Điều 79 BLTTHS Trung Quốc

và Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp, Chánh án, phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, phó Chánh án Tòa án cấp quân sự các cấp, Hội đồng xét xử. Như vậy, theo quy định của BLTTHS năm 2015, có 9 loại chủ thể có quyền ra lệnh tạm giam. Tuy nhiên, việc quy định quá nhiều chủ thể được ra lệnh áp dụng biện pháp tạm giam tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới việc lạm dụng, áp dụng tràn lan biện pháp này trên thực tế, không bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo.

Về thời hạn áp dụng: Thời hạn tạm giam được quy định khác nhau đối với từng giai đoạn. Trong giai đoạn điều tra, thời hạn tạm giam và thời hạn gia hạn tạm giam được quy định dựa trên sự phân loại tội phạm. So với BLTTHS năm 2003, thời hạn gia hạn tạm giam để điều tra trong BLTTHS năm 2015 được rút ngắn, cụ thể đối với tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng (chỉ cho phép gia hạn một lần thay vì gia hạn hai lần như BLTTHS năm 2003) và đối với tội đặc biệt nghiêm trọng (chỉ cho phép gia hạn hai lần thay vì gia hạn ba lần như BLTTHS năm 2003). Đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, BLTTHS năm 2015 rút ngắn thời hạn tạm giam đối với người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên; điều này thể hiện sự ưu tiên đặc biệt đối với đối tượng này và phù hợp với quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc rút ngắn thời hạn tạm giam để điều tra sẽ buộc các cơ quan tố tụng phải cân nhắc kỹ thời điểm bắt giam, phải tổ chức lực lượng để khẩn trương kết thúc vụ án, không kéo dài tình trạng pháp lý căng thẳng của bị can, bị cáo. Do vậy, BLTTHS năm 2015 giảm số lần gia hạn tạm giam là bảo vệ tốt hơn quyền con người,

quyền công dân, và phù hợp với xu thế của các nền tư pháp tiến bộ trên thế giới.

Về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam: Để bảo đảm quyền con người của người bị áp dụng biện pháp tạm giam, BLTTHS năm 2015 quy định chặt chẽ, chi tiết trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp này. Tạm giam phải có lệnh, quyết định của người có thẩm quyền. Lệnh tạm giam phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, lý do, thời hạn áp dụng và các nội dung khác quy định tại Điều 132 BLTTHS năm 2015. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam. Đối với trường hợp người bị tạm giam có người thân thích là người tàn tật, già yếu mà không có người chăm sóc, thì tùy từng trường hợp mà cơ quan ra lệnh tạm giam giao những người đó cho người thân thích hoặc chính quyền sở tại chăm nom, nhà hoặc tài sản của họ cũng được áp dụng những biện pháp trông nom, bảo quản thích đáng (Điều 120 BLTTHS năm 2015).

2. Thực trạng áp dụng quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp ngăn chặn tạm giam

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam của các cơ quan tiến hành tố tụng trong thời gian năm năm gần đây có thể thấy số bị can, bị cáo bị tạm giam có xu hướng giảm dần. Cụ thể, năm 2013, số lượng người bị tạm giam là 135.073, năm 2014 là 142.754, tăng 5,69%, năm 2015 là 129.759, giảm 9,1%, năm 2016 là 116.416 người, giảm 10,3%. Năm 2017 là 106.676 người, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm 2016⁽¹⁾. Số người bị tạm giam sau đó xét xử, tòa án tuyên hình phạt tù trên tổng số lượng đã giải quyết chiếm tỉ lệ 73,49% trong giai đoạn

¹ Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.

2013- 2017. Qua số liệu trên có thể thấy phần lớn các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đều xuất phát từ nhu cầu ngăn chặn tội phạm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tình trạng quá hạn tạm giam. Năm 2013, số lượng tạm giam quá hạn là 1051 lượt, năm 2014 là 1361 lượt, năm 2015 là 1273, năm 2016 là 719 lượt, năm 2017 số lượng này giảm xuống chỉ còn 34 lượt. Trong các cơ sở giam giữ, công tác quản lý còn lỏng lẻo dẫn đến tình trạng người bị tạm giam tự sát, bị đối tượng cùng buồng giam đánh hoặc phạm tội mới. Năm 2013, xảy ra 22 trường hợp đối tượng tạm giam tự sát, năm 2014 là 13 trường hợp, năm 2015 là 13 trường hợp, năm 2016 là 10 trường hợp, năm 2017 là 14 trường hợp. Trong trại giam tình trạng bắt nạt các đối tượng cùng phòng, thậm chí đánh chết đối tượng cùng phòng còn tiếp diễn, hầu như năm nào cũng xảy ra 2 đến 5 vụ. Việc người bị tạm giam phạm tội mới cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Phần lớn đối tượng phạm tội trốn khỏi nơi giam, còn lại là các tội giết người; cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ, tàng trữ trái phép chất ma túy... Bên cạnh đó, trong quản lý và bố trí giam giữ còn nhiều bất cập như giam giữ chung buồng người cùng vụ án, người thành niên với người chưa thành niên; phạm nhân với người bị tạm giữ, tạm giam; người Việt Nam với người nước ngoài⁽¹⁾; Có trường hợp công tác quản lý và bố trí nơi giam giữ người bị kết án tử hình còn sơ hở, không đúng quy định dẫn đến đối tượng người bị kết án tử hình⁽²⁾ có thai và đã sinh con trong thời gian đang tạm giam..

¹ Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.

³ (Nguyễn Thị Huệ, sinh ngày 29/01/1974, trú tại Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn, bị bắt ngày 19/4/2012, xét xử phúc thẩm ngày 19/6/2014, hình phạt tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"), xảy ra tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (bị án Huệ đã được chuyển từ hình phạt tử hình xuống chung thân).

Mặt khác, các trình tự, thủ tục tạm giam chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ sở giam giữ tuân thủ chặt chẽ như việc tiếp nhận đối tượng bị tạm giam còn thiếu thủ tục (thiếu lý lịch bị can, thiếu quyết định truy nã, lệnh bắt khẩn cấp, quyết định gia hạn tạm giữ, lệnh trích xuất, danh bản, phiếu khám sức khỏe, biên bản bắt, biên bản bàn giao hồ sơ...)⁽³⁾, trích xuất bị can không đúng thủ tục, đưa người bị tạm giam, người đang chờ đưa đi chấp hành án ra ngoài lao động phục vụ. Những sai phạm trên đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến quyền con người của bị can.

Những vi phạm, tồn tại trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Đó là các quy định của BLTTHS năm 2015 còn bất cập; các cơ sở giam giữ, cơ quan tiến hành tố tụng chưa nhận thức và áp dụng đúng pháp luật; công tác quản lý còn sơ hở; cơ chế phối hợp chưa đồng bộ; quy mô, điều kiện của các cơ sở giam giữ chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Một số kiến nghị, đề xuất về biện pháp ngăn chặn tạm giam nhằm bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo

Một là, hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Từ các phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Theo ý kiến chúng tôi, không thể sử dụng kết quả phân loại tội phạm làm cơ sở độc lập để xây dựng căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam như cách quy định của BLTTHS năm 2015 mà phải coi căn cứ người bị buộc tội tiếp tục phạm tội hoặc cản trở, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành

³ Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.

án là căn cứ chủ yếu để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp này. Đồng thời, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cần sự khẩn trương, nhanh chóng để đạt được mục đích ngăn chặn, sẽ là khó khăn khi buộc các cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi phạm tội đó thuộc loại ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hay rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng khi quyết định áp dụng biện pháp này. Vì vậy, chúng tôi cho rằng căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam chỉ nên dựa trên hình phạt BLHS quy định đối với tội danh đó là hình phạt tù trên 2 năm và căn cứ thực tế cho thấy người bị buộc tội tiếp tục phạm tội hoặc cản trở, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Theo đó, Điều 119 BLTTHS năm 2015 cần được sửa đổi như sau:

“Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp:

a.

b...”

Thứ hai, về thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Nghiên cứu thông lệ quốc tế và pháp luật một số quốc gia khác, chỉ một số quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam giao Cơ quan điều tra thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam¹. Các quốc gia khác như Nga, Pháp, Đức, Nhật Bản, Tòa án là cơ quan duy nhất được trao quyền quyết định việc tạm giam trên cơ sở hồ sơ, tài liệu có liên quan của cảnh sát và đề nghị của Công tố viên². Quy định như vậy nhằm mục đích đặt cơ quan điều tra dưới sự kiểm soát

của cơ quan xét xử³. Chúng tôi cho rằng hoạt động điều tra nói chung và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nói riêng phải đặt dưới sự kiểm soát là vô cùng cần thiết, đặc biệt đối với giai đoạn điều tra trong mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn đang tồn tại ở Việt Nam. Bởi lẽ trong mô hình tố tụng này, giai đoạn điều tra mang các đặc trưng như bán công khai, tính tranh tụng, sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ các bên hạn chế. Do vậy, nếu giao quá nhiều quyền lực nhà nước cho cơ quan điều tra việc lạm quyền dễ xảy ra nhưng lại khó bị phát hiện. Bởi sự lạm quyền là thuộc tính của những người gần với quyền lực nhà nước. Ở đâu có quyền lực, thì ở đó luôn tiềm ẩn nguy cơ của sự lạm quyền⁴. Sự lạm quyền trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam có khả năng gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền tự do thân thể của bị can. Với cơ chế kiểm soát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hiện nay trong BLTTHS năm 2015 là thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra được ra lệnh tạm giam nhưng lệnh này phải được sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành theo chúng tôi chưa đủ mạnh. Cơ chế kiểm soát này phải được nâng cao theo hướng cơ quan điều tra chỉ được quyền đề nghị còn Viện kiểm sát sẽ quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam. Do đó, chúng tôi đề nghị cần bỏ thẩm quyền quyết định tạm giam của Thủ trưởng, phó Thủ trưởng cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra có quyền đề nghị ra lệnh tạm giam còn thẩm quyền ra lệnh tạm giam thuộc về Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát. Điều này

¹ Điều 89 BLTTHS Trung Quốc

² Điều 108 BLTTHS Liên bang Nga được sửa đổi bổ sung năm 2012 và Điều 114 BLTTHS Liên bang Đức, điều 137 BLTTHS Pháp, Điều 60 BLTTHS Nhật Bản.

³ Tô Văn Hòa (2012), *Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, Nxb Hồng Đức, tr 23

⁴ Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước*, Nxb Tư pháp, tr 34.

không những phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 49- NQ/TW “thu hẹp đối tượng, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam”, mà còn hợp với xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới và bảo đảm tốt hơn nữa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị can.

Thứ ba, về thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong trường hợp vụ án được điều tra bổ sung. Để bảo đảm bị can không bị tạm giam quá dài, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền điều tra trong việc xác định sự thật của vụ án, chúng tôi đề nghị sửa đổi quy định về thời hạn tạm giam khi điều tra bổ sung theo hướng không cho phép tạm giam bị can nếu thời hạn tạm giam trong điều tra vụ án trước đó đã hết thời hạn tạm giam tối đa theo luật định. Theo đó, Khoản 4 Điều 174 được sửa đổi như sau:

“4. Khi phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại, Cơ quan điều tra có quyền thay đổi, áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

Trường hợp có căn cứ theo quy định của Bộ luật này cần tạm giam trong khi điều tra bổ sung thì tổng thời hạn tạm giam không được vượt quá thời hạn tạm giam được quy định tại Điều 173 của Bộ luật này.

Thời hạn tạm giam và gia hạn tạm giam trong trường hợp vụ án được điều tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật này”

Hai là, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nhận thức của người tiến hành tố tụng và cán bộ ở các cơ sở giam giữ.

Đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ phải được chuẩn hóa, liên tục được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao ý thức bảo vệ quyền con người. Song song với việc bảo đảm

trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và lương tâm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng là yếu tố quyết định chất lượng công việc. Do đó, một mặt cần động viên, khuyến khích cán bộ vững tâm vượt qua những cảm dỗ vật chất hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình mặt khác cần thường xuyên thanh lọc đội ngũ cán bộ, loại bỏ các cá nhân không giữ được phẩm chất đạo đức trong sạch, vi phạm quy tắc nghề nghiệp khỏi đội ngũ.

Ba là, tăng cường quản lý bị can, bị cáo bị tạm giam.

Trong thời gian tới, các cơ sở giam giữ nên tăng cường lực lượng canh giữ, giám sát phòng giam, đồng thời trang bị phương tiện hiện đại, tân tiến để phục vụ công tác quản lý giam giữ. Bên cạnh đó, thiết nghĩ việc nghiên cứu cách thức và phương pháp kiểm tra tâm lý của tất cả bị can, bị cáo bị tạm giam để có thể phân loại đối tượng có khả năng và mong muốn tự sát hoặc có biểu hiện bất thường để có các biện pháp theo dõi, ngăn chặn một cách kịp thời là rất quan trọng và cần được triển khai sớm.

Bốn là, mở rộng quy mô giam giữ.

Hiện nay, số lượng người tạm giam khá đông, diện tích ở của người bị tạm giam trong một số nhà tạm giữ, trại tạm giam chưa bảo đảm đủ 2m² một người. Số lượng người tạm giam vượt quá quy mô giam giữ dẫn đến nguy cơ mất vệ sinh môi trường, đồng thời ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị tạm giam. Do đó, cần thiết phải cải tạo, mở rộng diện tích giam giữ cho các trại tạm giam, nâng cấp cơ sở vật chất, đổi mới các thiết bị trong các buồng tạm giam. Có như vậy, quyền con người của người bị tạm giam mới được tôn trọng và bảo đảm./.